

Số: 105/2024/QĐST-HNGĐ

Cẩm Lệ, ngày 23 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 156/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 của người yêu cầu:

- Ông **Lê Nam C** - Sinh năm: 1991.

- Bà **Trần Thị T** - Sinh năm: 1991.

Cùng địa chỉ: **Tổ G phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lê Nam C** và bà **Trần Thị T** kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 đăng ký ngày 14/7/2017. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: **Tổ G phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.** Trong quá trình chung sống đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, ảnh hưởng đến con cái.

Tại phiên hòa giải, ông **Lê Nam C** và bà **Trần Thị T** đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục, không thể tiếp tục chung sống với nhau, vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông **Lê Nam C** và bà **Trần Thị T** là hoàn toàn tự nguyện, do đó cần căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của ông **Lê Nam C** và bà **Trần Thị T**.

[2] *Về con chung*: Ông Lê Nam C và bà Trần Thị T xác định vợ chồng có 02 con chung tên Lê Trần Gia P, sinh ngày: 31/10/2017 và Lê Trần Gia K, sinh ngày: 30/7/2019 và thống nhất thỏa thuận: Giao 02 con chung cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và ông Lê Nam C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 10.000.000 đồng (5.000.000 đồng/tháng/1 con) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 06/2024 và vào ngày 10 hàng tháng.

Kể từ ngày bà Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Nam C không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận thì ông Lê Nam C phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Lê Nam C và bà Trần Thị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] *Lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình*: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Trần Thị T và ông Lê Nam C mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà Trần Thị T và ông Lê Nam C đã nộp theo biên lai thu số 0001560 ngày 09/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[5] Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành lập ngày 15 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Lê Nam C và bà Trần Thị T thống nhất thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 29 đăng ký ngày 14/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam)

- *Về con chung*: Ông Lê Nam C và bà Trần Thị T xác định 02 con chung và thống nhất thỏa thuận: Giao con chung Lê Trần Gia P, sinh ngày: 31/10/2017 và Lê Trần Gia K, sinh ngày: 30/7/2019 cho bà Trần Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng và ông Lê Nam C cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 10.000.000 đồng (5.000.000 đồng/tháng/1 con) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 06/2024 và vào ngày 10 hàng tháng.

Kể từ ngày bà Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Nam C không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận thì ông Lê Nam

C phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông **Lê Nam C** và bà **Trần Thị T** xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà **Trần Thị T** và ông **Lê Nam C** mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà Bà **Trần Thị T** và ông **Lê Nam C** đã nộp theo biên lai thu số 0002787 ngày 09/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND xã Quế Hiệp;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh Tuyền